

Mã SV	Họ	Tên	P	Ng	Bản	Bản	Bản	Giá	Lý
		n	h	ày	sao	sao	sao	y	c
		ái	Sin		Bản	GK	am	HS	
		h	học	g	T	Sin	kết	SV	
		bạ	NP	h	PV				
			TT		N				
			H						
K34.	Lê Vũ	An	0	161					
106.	Minh		190						
003									
K34.	Đinh	Vũ	0	506					
106.	Dương		88						
067									
K35.	Nguyễn	An	1	121	X				
106.	Thị Dân		091						
001									
K35.	Nguyễn	An	1	181	X				
106.	Thị Mỹ	h	291						
002									
K35.	Nguyễn	Ái	1	102	X				
106.	Thị		90						
003									
K35.	Lại Thị	Bi	1	311	X				
106.	Kim	ên	091						
004									
K35.	Nguyễn	Ch	1	406	X			CK	
106.	Ngọc	âu	90					MT	
005	Bảo								
K35.	Trần	Dũ	0	181	X				
106.	Minh	ng	191						
006									
K35.	Nguyễn	Đà	1	605	X				
106.	Phương	i	91						
007	Trang								
K35.	Đào Thị	Dị	1	120	X				
106.	Ngọc	ệp	191						
008									
K35.	Liêu	Hà	1	307	X				
106.	Diệp	n	91						
009									
K35.	Trần	Hà	1	812	X				
106.	Minh	o	91						
010									
K35.	Nguyễn	Hi	0	140	X				
106.	Thế	ễn	691						
012									
K35.	Phạm	Ho	1	412	X				
106.	Thị	ài	91						
014									
K35.	Trần Thị	Hồ	1	703	X				

106. Kim	ng	91		
015				
K35. Hoàng	Hồ	1130	X	
106. Thị Thu	ng	191		
016				
K35. Tạ Thị	Hu	1108	X	
106. Hồng	ệ	91		
017				
K35. Nguyễn	Hu	0509	X	
106. Xuân	y	91		
018				
K35. Nguyễn	Hu	1201	X	CK
106. Thị Mỹ	on	291		MT
019	g			
K35. Đặng	Kh	0160	X	
106. Công	án	891		
020	h			
K35. Phạm	Kh	1106	X	
106. Thị Kim	uy	91		
021	ên			
K35. Tạ Trần	Ki	0300	X	
106.	ên	591		
022				
K35. Bùi Thị	La	1261		
106. Mỹ	n	090		
023				
K35. Trần Thị Liê		1100	X	
106. Kim	n	790		
024				
K35. Nguyễn	Lộ	0100	X	
106. Thành	c	791		
025				
K35. Chu	Ma	1300	X	
106. Ngọc	i	891		
026				
K35. Hoàng	Ma	1230	X	
106. Thị	i	591		
027				
K35. Trần Thị Mế		1181	X	
106.	n	091		
028				
K35. Trương	Mi	0201		
106. Ngọc	nh	90		
029				
K35. Nguyễn	Ng	1608	X	
106. Thị	a	91		
030	Ngọc			
K35. Nguyễn	Ng	1200	X	
106. Thị Bích	ọc	491		
031				

K35. Mai Thị Ng	1200			CK
106. Mỹ ọc	789			MT
032				
K35. Tạ Thị Ng	1220			
106. Thanh uy	690			
034	ên			
K35. Võ Như Ng	1240	X		
106.	uy 191			
035	ện			
K35. Lý Nh	0103			
106. Thành ân	90			
036				
K35. Phạm Oa	1271	X		CK
106. Thị nh	291			MT
037 Ngọc				
K35. Lưu Thị Ph	1907			
106.	ới 89			
038				
K35. Nguyễn Ph	1180	X		CK
106. Trần ươ	391			MT
039 Hồng ng				
K35. Đoàn Ph	1150	X		
106. Thị Kim ượ	691			
040	ng			
K35. Trương Ph	1241	X		
106. Thị ượ	291			
041 Thúy ng				
K35. Tăng Ph	1200	X	X	
106. Như ượ	291			
042	ng			
K35. Nguyễn Tâ	1120	X		CK
106. Thị m	491			MT
044 Hồng				
K35. Nguyễn Tài	0506	X		
106. Trí	91			
045				
K35. Đinh Thị Th	1170	X		
106. Thu ảo	491			
046				
K35. Quảng Th	1140			
106. Thị ảo	990			
047 Thanh				
K35. Nguyễn Th	1200	X		
106. Thị Kim oa	391			
048				
K35. Phan Th	0290	X		
106. Hoài u	991			
049				
K35. Lương Th	1170	X		
106. Thị ủy	791			

050

K35. Nguyễn Th 1250 X

106. Thị ủy 591

051

K35. Nguyễn Th 1406 X

106. Thị ươ 90

052 ng

K35. Phạm Tiê 0806 X

106. Văn m 91

053

K35. Phạm Tiê 1608 X

106. Thị n 91

054

K35. Ngô Tri 1301 X

106. Thanh nh 090

055

K35. Nguyễn Tri 1220 X

106. Thị nh 591

056 Ngọc

K35. Phạm Tri 1280 X

106. Thị Mỹ nh 391

057

CK

MT

,B

NH

K35. Nguyễn Tu 1300

106. Hồ Bảo yê 490

058 n

K35. Trần Vư 0802 X

106. Thanh ơn 91

059 g

K35. Trần Thị Xu 1112 X

106. Mai ân 91

060

K35. Nguyễn Yế 1251 X

106. Thị Kim n 091

061